PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI - BỘ TÀI CHÍNH

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI **BỘ TÀI CHÍNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 68/2011/TTLT-BGTVT-BTC	*Hà Nội, ngày 30 tháng 12 năm 2011*

THÔNG TƯ LIÊN TỊCH
Hướng dẫn cơ chế quản lý tài chính đối với Cục Đăng kiểm Việt Nam

Căn cứ Nghị định số 31/2005/NĐ-CP ngày 11/3/2005 của Chính phủ về sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích;

Căn cứ Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh phí, lệ phí; Nghị định số 24/2006/NĐ-CP ngày 06/3/2006 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03/6/2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh phí và lệ phí;

Căn cứ Quyết định số 256/2006/QĐ-TTg ngày 09/11/2006 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Quy chế đấu thầu, đặt hàng, giao kế hoạch thực hiện sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích;

Căn cứ Thông tư số 117/2010/TT-BTC ngày 05/8/2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn quy chế của công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu; Thông tư số 138/2010/TT-BTC ngày 17/9/2010 hướng dẫn phân phối lợi nhuận đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu;

Thực hiện ý kiến của Thủ tướng Chính phủ tại Công văn số 807/TTg-ĐMDN ngày 17/6/2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc bổ sung hoạt động kiểm định kỹ thuật phương tiện giao thông cơ giới vào danh mục B-Phụ lục danh mục sản phẩm, dịch vụ công ích ban hành kèm theo Nghị định số 31/2005/NĐ-CP ngày 11/3/2005 của Chính phủ về sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích; Công văn 609/VPCP-KTTH ngày 26/01/2010 và Công văn số 5872/VPCP-KTTH ngày 25/8/2011 của Văn phòng Chính phủ về việc cơ chế tài chính và phân phối lợi nhuận của Cục Đăng kiểm Việt Nam;

Căn cứ đặc thù hoạt động của Cục Đăng kiểm Việt Nam, Bộ Giao thông vận tải và Bộ Tài chính hướng dẫn cơ chế quản lý tài chính đối với Cục Đăng kiểm Việt Nam như sau:

I. QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Thông tư này quy định về cơ chế quản lý tài chính áp dụng cho Cục Đăng kiểm Việt Nam và các đơn vị trực thuộc Cục Đăng kiểm Việt Nam.

2. Các nguồn thu, chi kinh phí hành chính sự nghiệp mà Ngân sách Nhà nước giao cho Cục Đăng kiểm Việt Nam được quản lý, hạch toán, quyết toán riêng theo quy định của Luật Ngân sách, không áp dụng theo quy định của Thông tư này.

II. QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG VỐN, TÀI SẢN

Điều 2. Vốn hoạt động của Cục Đăng kiểm Việt Nam

1. Vốn hoạt động của Cục Đăng kiểm Việt Nam bao gồm: Vốn do Nhà nước đầu tư tại Cục Đăng kiểm Việt Nam, vốn do Cục Đăng kiểm Việt Nam huy động và các nguồn vốn khác theo quy định của pháp luật.

2. Vốn do Nhà nước đầu tư tại Cục Đăng kiểm Việt Nam bao gồm: Vốn do Nhà nước cấp cho Cục Đăng kiểm Việt Nam khi thành lập và trong suốt quá trình hoạt động; vốn được tiếp nhận từ các nơi khác chuyển đến theo quyết định của cấp có thẩm quyền; giá trị các khoản được viện trợ, biếu, tặng, tài sản vô chủ, tài sản dôi thừa khi kiểm kê được hạch toán tăng vốn Nhà nước; vốn được bổ sung từ phần lợi nhuận sau thuế; giá trị quyền sử dụng đất và các khoản khác được tính vào vốn Nhà nước theo quy định của pháp luật.

3. Vốn huy động của Cục Đăng kiểm Việt Nam bao gồm: vốn vay của các tổ chức ngân hàng, tín dụng, các tổ chức tài chính khác, của các cá nhân, tổ chức ngoài Cục Đăng kiểm Việt Nam; vay vốn của người lao động và các hình thức huy động vốn khác theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Huy động vốn

1. Nguyên tắc huy động vốn:

a) Việc huy động vốn phải đảm bảo khả năng thanh toán nợ và có phương án được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Người phê duyệt phương án huy động vốn phải chịu trách nhiệm kiểm tra, giám sát, đảm bảo vốn huy động được sử dụng đúng mục đích, đúng đối tượng và có hiệu quả;

b) Việc vay vốn của cá nhân, tổ chức kinh tế: Cục Đăng kiểm Việt Nam phải ký hợp đồng vay vốn với tổ chức kinh tế, cá nhân cho vay theo quy định của pháp luật; Mức lãi suất vay vốn tối đa không vượt quá mức lãi suất cho vay cùng thời hạn của ngân hàng thương mại nơi Cục Đăng kiểm Việt Nam mở tài khoản giao

dịch tại thời điểm vay vốn; Trường hợp Cục Đăng kiểm Việt Nam mở tài khoản giao dịch ở nhiều ngân hàng thì mức lãi suất huy động vốn trực tiếp tối đa không được vượt quá lãi suất cho vay cao nhất cùng thời hạn của ngân hàng thương mại mà Cục Đăng kiểm Việt Nam mở tài khoản giao dịch.

c) Việc huy động vốn của các tổ chức, cá nhân nước ngoài thực hiện theo quy định hiện hành về quản lý nợ nước ngoài.

d) Các đơn vị trực thuộc Cục không được phép huy động vốn.

2. Thẩm quyền phê duyệt phương án huy động vốn:

a) Cục Đăng kiểm Việt Nam được chủ động huy động vốn phục vụ sản xuất kinh doanh trong phạm vi tổng số nợ phải trả không vượt quá Vốn chủ sở hữu ghi trên Báo cáo tài chính của Cục Đăng kiểm Việt Nam được công bố tại quý gần nhất tại thời điểm huy động vốn.

b) Trường hợp, Cục Đăng kiểm Việt Nam có nhu cầu huy động vốn vượt quy định tại điểm a khoản 2 điều này thì phải báo cáo Bộ Giao thông vận tải xem xét, quyết định trên cơ sở các dự án huy động vốn có hiệu quả. Sau khi quyết định, Bộ Giao thông vận tải có trách nhiệm thông báo cho Bộ Tài chính để phối hợp theo dõi và giám sát.

3. Bộ Giao thông vận tải giám sát chặt chẽ việc huy động và sử dụng vốn tại Cục Đăng kiểm Việt Nam, Bộ Tài chính thực hiện việc kiểm tra, giám sát theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Bảo toàn vốn tại Cục Đăng kiểm Việt Nam

1. Mọi biến động về vốn, Cục Đăng kiểm Việt Nam có trách nhiệm báo cáo Bộ Giao thông vận tải và Bộ Tài chính để theo dõi giám sát.

Định kỳ 6 tháng, hàng năm, Cục Đăng kiểm Việt Nam phải đánh giá hiệu quả sử dụng vốn thông qua chỉ tiêu mức độ bảo toàn vốn.

Hệ số bảo toàn vốn:

Mức độ bảo toàn vốn được xác định theo hệ số H:

$$H = \frac{\text{Vốn chủ sở hữu tại thời điểm báo cáo}}{\text{Vốn chủ sở hữu cuối kỳ trước liền kề kỳ báo cáo}}$$

Nếu hệ số H>1 Cục Đăng kiểm Việt Nam đã phát triển được vốn; H=1 Cục Đăng kiểm Việt Nam bảo toàn vốn và H<1 Cục Đăng kiểm Việt Nam chưa bảo toàn được vốn.

Trường hợp, Cục Đăng kiểm Việt Nam chưa bảo toàn được vốn thì Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam phải có báo cáo giải trình nguyên nhân chưa bảo toàn được vốn, hướng khắc phục trong thời gian tới gửi Bộ Giao thông vận tải, Bộ Tài chính và chịu trách nhiệm về tình hình tài chính của Cục Đăng kiểm Việt Nam.

2. Cục Đăng kiểm Việt Nam có trách nhiệm bảo toàn vốn bằng các biện pháp sau đây:

- Thực hiện đúng chế độ quản lý sử dụng vốn, tài sản, phân phối lợi nhuận, chế độ quản lý tài chính khác và chế độ kế toán theo quy định của Nhà nước;

- Mua bảo hiểm tài sản theo quy định của pháp luật;

- Xử lý kịp thời giá trị tài sản tổn thất theo quy định tại Điều 13 Thông tư này, các khoản nợ không có khả năng thu hồi theo quy định tại Điều 6 Thông tư này và trích lập các khoản dự phòng rủi ro theo quy định.

- Các biện pháp khác về bảo toàn vốn và tài sản nhà nước theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Đầu tư vốn ra ngoài Cục Đăng kiểm Việt Nam

1. Cục Đăng kiểm Việt Nam được quyền sử dụng tài sản (bao gồm tiền, tài sản cố định, tài sản lưu động và các tài sản khác) thuộc quyền quản lý của Cục Đăng kiểm Việt Nam để đầu tư ra ngoài Cục Đăng kiểm Việt Nam cho các dự án có liên quan đến công tác đăng kiểm. Cục Đăng kiểm Việt Nam không được đầu tư vào các lĩnh vực bất động sản, ngân hàng, bảo hiểm, chứng khoán và các lĩnh vực khác không có liên quan đến hoạt động đăng kiểm.

2. Việc đầu tư vốn của Cục Đăng kiểm Việt Nam vào doanh nghiệp khác tuân thủ theo quy định của pháp luật, phù hợp với chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển của Cục Đăng kiểm Việt Nam, không làm ảnh hưởng đến việc thực hiện các nhiệm vụ đã được Bộ Giao thông vận tải giao và phải đảm bảo nguyên tắc có hiệu quả, bảo toàn và phát triển vốn, tăng thu nhập.

3. Tổng số vốn đầu tư ra ngoài Cục Đăng kiểm Việt Nam (bao gồm đầu tư ngắn hạn và dài hạn) không được vượt quá 20% giá trị Vốn chủ sở hữu ghi trên Báo cáo tài chính của Cục Đăng kiểm Việt Nam được công bố tại quý gần nhất thời điểm Cục Đăng kiểm Việt Nam trình phương án đầu tư vốn ra ngoài với Bộ Giao thông vận tải.

4. Việc đầu tư vốn ra ngoài Cục Đăng kiểm Việt Nam chỉ được thực hiện sau khi có chấp thuận của Bộ Giao thông vận tải bằng văn bản.

Điều 6. Quản lý hàng hóa tồn kho

1. Hàng hóa tồn kho là hàng hóa mua về để bán còn tồn kho, nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ tồn kho hoặc đã mua đang đi trên đường, sản phẩm dở dang trong quá trình sản xuất, sản phẩm hoàn thành nhưng chưa nhập kho, thành phẩm tồn kho, thành phẩm đang gửi bán.

2. Cục Đăng kiểm Việt Nam có quyền và chịu trách nhiệm xử lý ngay những hàng hóa tồn kho kém, mất phẩm chất, lạc hậu mốt, lạc hậu kỹ thuật, ứ đọng, chậm luân chuyển để thu hồi vốn. Thẩm quyền quyết định xử lý theo quy định tại khoản 2 Điều 11.

3. Cuối kỳ kế toán, khi giá gốc hàng tồn kho ghi trên sổ kế toán cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì Cục Đăng kiểm Việt Nam phải trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho theo các quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 7. Quản lý các khoản nợ phải thu, nợ phải trả

1. Nợ phải thu

a) Trách nhiệm của Cục Đăng kiểm Việt Nam:

- Xây dựng và ban hành quy chế quản lý các khoản nợ phải thu, phân công và xác định rõ trách nhiệm của tập thể, cá nhân trong việc theo dõi, thu hồi, thanh toán các khoản công nợ;

- Mở sổ theo dõi các khoản nợ theo từng đối tượng nợ; thường xuyên phân loại các khoản nợ (nợ luân chuyển, nợ khó đòi, nợ không có khả năng thu hồi), đôn đốc thu hồi nợ;

- Đối với nợ phải thu có gốc ngoại tệ, Cục Đăng kiểm Việt Nam phải theo dõi chi tiết theo từng loại nguyên tệ, cuối kỳ, đánh giá lại và xử lý chênh lệch tỷ giá theo quy định;

- Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam và Giám đốc các đơn vị trực thuộc có trách nhiệm xử lý kịp thời các khoản nợ phải thu khó đòi, nợ không thu hồi được. Nếu không xử lý kịp thời các khoản nợ không thu hồi được theo quy định tại khoản này thì Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam hoặc Giám đốc đơn vị trực thuộc có liên quan sẽ bị miễn nhiệm như trường hợp báo cáo không trung thực tình hình tài chính của đơn vị từ 02 lần trở lên. Nếu vì không xử lý kịp thời dẫn đến thất thoát vốn Nhà nước đầu tư tại Cục Đăng kiểm Việt Nam thì Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam và Giám đốc các đơn vị trực thuộc phải chịu trách nhiệm trước Bộ Giao thông vận tải và trước pháp luật;

- Nợ phải thu khó đòi là các khoản nợ quá hạn thanh toán theo quy định ghi trên hợp đồng hoặc các cam kết khác hoặc chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ khó có khả năng thanh toán. Cục Đăng kiểm Việt Nam có trách nhiệm trích lập dự phòng đối với khoản nợ phải thu khó đòi theo quy định hiện hành của Bộ Tài chính;

- Nợ phải thu không có khả năng thu hồi, Cục Đăng kiểm Việt Nam có trách nhiệm xử lý: Sau khi trừ tiền bồi thường của cá nhân, tập thể có liên quan, số còn lại được bù đắp bằng khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi, quỹ dự phòng tài chính. Nếu còn thiếu thì hạch toán vào chi phí hoạt động của Cục Đăng kiểm Việt Nam;

- Nợ không có khả năng thu hồi sau khi xử lý như trên, Cục Đăng kiểm Việt Nam vẫn phải theo dõi trên tài khoản ngoài bảng cân đối kế toán và tổ chức thu hồi. Số tiền thu hồi được hạch toán vào thu nhập của Cục Đăng kiểm Việt Nam;

b) Quyền hạn của Cục Đăng kiểm Việt Nam:

Cục Đăng kiểm Việt Nam được quyền bán các khoản nợ phải thu theo quy định của pháp luật, gồm cả nợ phải thu trong hạn, nợ phải thu khó đòi, nợ phải thu

không đòi được để thu hồi vốn. Việc bán nợ chỉ được thực hiện đối với các tổ chức kinh tế có chức năng kinh doanh mua bán nợ, không được bán nợ trực tiếp cho khách nợ. Giá bán các khoản nợ do các bên tự thỏa thuận và tự chịu trách nhiệm về quyết định bán khoản nợ phải thu. Trường hợp bán nợ mà dẫn tới bị thua lỗ, mất vốn, hoặc mất khả năng thanh toán dẫn đến tình trạng mất cân đối về tài chính thì Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam và người có liên quan trực tiếp đến việc phát sinh khoản nợ khó đòi phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

2. Quản lý các khoản nợ phải trả:

a) Mở sổ theo dõi đầy đủ các khoản nợ phải trả gồm cả các khoản lãi phải trả;

b) Thanh toán các khoản nợ phải trả theo đúng thời hạn đã cam kết. Thường xuyên xem xét, đánh giá, phân tích khả năng thanh toán nợ của Cục, phát hiện sớm tình hình khó khăn trong thanh toán nợ để có giải pháp khắc phục kịp thời không để phát sinh các khoản nợ quá hạn.

Điều 8. Tài sản cố định - đầu tư tài sản cố định

1. Tài sản cố định của Cục Đăng kiểm Việt Nam bao gồm tài sản cố định hữu hình và vô hình. Tiêu chuẩn xác định tài sản cố định thực hiện theo quy định hiện hành của Bộ Tài chính.

2. Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam quyết định việc mua sắm tài sản và các dự án đầu tư, xây dựng có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng 30% tổng giá trị tài sản ghi trên Báo cáo tài chính của Cục được công bố tại quý gần nhất, nhưng không quá mức cao nhất của dự án nhóm B theo quy định của Pháp luật về quản lý dự án đầu tư, xây dựng.

3 Đối với việc mua sắm tài sản hoặc các dự án đầu tư, xây dựng vượt mức quy định tại khoản 2 điều này, Cục Đăng kiểm Việt Nam có trách nhiệm trình Bộ Giao thông vận tải hoặc các cấp có thẩm quyền phê duyệt bằng văn bản.

4. Trình tự, thủ tục đầu tư thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý dự án đầu tư, xây dựng.

5 Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam được quyết định điều chuyển tài sản trong nội bộ các đơn vị trực thuộc Cục Đăng kiểm Việt Nam. Riêng đối với tài sản là trụ sở làm việc, trước khi điều chuyển phải được sự chấp thuận của Bộ Giao thông vận tải bằng văn bản.

Điều 9. Khấu hao tài sản cố định

Các tài sản cố định hiện có của Cục Đăng kiểm Việt Nam được quản lý, sử dụng và trích khấu hao theo quy định hiện hành của Bộ Tài chính.

Điều 10. Cho thuê, thế chấp, cầm cố tài sản

Cục Đăng kiểm Việt Nam chỉ được phép cho thuê, thế chấp, cầm cố tài sản trong những trường hợp cụ thể sau khi có văn bản chấp thuận của Bộ Giao thông vận tải. Việc sử dụng tài sản để cho thuê, thế chấp, cầm cố phải tuân thủ theo đúng các quy định của Bộ Luật Dân sự và các quy định khác của pháp luật.

Điều 11. Thanh lý, nhượng bán TSCĐ

1. Cục Đăng kiểm Việt Nam được nhượng bán, thanh lý tài sản cố định đã hư hỏng, lạc hậu kỹ thuật, không có nhu cầu sử dụng hoặc không sử dụng được.

2. Thẩm quyền quyết định việc thanh lý, nhượng bán tài sản cố định:

a) Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam được quyết định các phương án thanh lý, nhượng bán tài sản cố định có giá trị còn lại không vượt quá 30% tổng giá trị tài sản ghi trên Báo cáo tài chính của Cục Đăng kiểm Việt Nam được công bố tại quý gần nhất;

b) Các phương án thanh lý, nhượng bán tài sản cố định có giá trị lớn hơn mức phân cấp nêu trên Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam phải báo cáo Bộ Giao thông vận tải quyết định.

3. Những tài sản trực tiếp phục vụ cho hoạt động cung ứng dịch vụ công ích của Cục Đăng kiểm Việt Nam khi nhượng bán, thanh lý phải được Bộ Giao thông vận tải đồng ý bằng văn bản. Bộ Giao thông vận tải sẽ xem xét và ủy quyền cho Cục Đăng kiểm Việt Nam được phép chủ động thanh lý đối với một số tài sản trong những trường hợp cụ thể.

4. Trường hợp phương án nhượng bán tài sản cố định của Cục Đăng kiểm Việt Nam không có khả năng thu hồi đủ vốn thì Cục Đăng kiểm Việt Nam phải báo cáo Bộ Giao thông vận tải và Bộ Tài chính trước khi nhượng bán tài sản cố định để thực hiện giám sát.

5. Riêng trường hợp tài sản cố định mới đầu tư do không mang lại hiệu quả kinh tế theo như phương án phê duyệt ban đầu, Cục Đăng kiểm Việt Nam không có nhu cầu tiếp tục khai thác sử dụng mà việc nhượng bán tài sản không có khả năng thu hồi đủ vốn đầu tư dẫn tới Cục Đăng kiểm Việt Nam không trả được nợ vay theo khế ước hoặc hợp đồng vay vốn thì phải làm rõ trách nhiệm của những người có liên quan để báo cáo Bộ Giao thông vận tải xử lý theo quy định của pháp luật.

6. Phương thức thanh lý, nhượng bán tài sản cố định: Việc nhượng bán tài sản cố định được thực hiện bằng hình thức đấu giá thông qua một tổ chức có chức năng bán đấu giá tài sản hoặc do đơn vị tự tổ chức thực hiện công khai theo đúng trình tự, thủ tục quy định của pháp luật về bán đấu giá tài sản. Trường hợp giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý, nhượng bán ghi trên sổ kế toán dưới 100 triệu đồng thì Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam quyết định lựa chọn bán theo phương thức đấu giá hoặc thỏa thuận nhưng không thấp hơn giá thị trường. Trường hợp tài sản cố định không có giao dịch trên thị trường thì Cục Đăng kiểm Việt Nam được thuê tổ chức có chức năng thẩm định giá xác định giá làm cơ sở bán tài sản theo các phương thức trên.

Điều 12. Kiểm kê tài sản

Cục Đăng kiểm Việt Nam phải tổ chức kiểm kê, xác định số lượng tài sản (tài sản cố định và đầu tư dài hạn, tài sản lưu động và đầu tư ngắn hạn), đối chiếu các

khoản công nợ phải trả, phải thu khi khóa sổ kế toán để lập báo cáo tài chính năm; khi thực hiện quyết định chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, chuyển đổi sở hữu; sau khi xảy ra thiên tai, địch họa; hoặc vì lý do nào đó gây ra biến động tài sản của đơn vị; hoặc theo chủ trương của Nhà nước. Đối với tài sản thừa, thiếu, nợ không thu hồi được, nợ quá hạn cần xác định rõ nguyên nhân, trách nhiệm của những người có liên quan và xác định mức bồi thường vật chất theo quy định.

Điều 13. Xử lý tổn thất tài sản

Tổn thất về tài sản là tài sản bị mất mát, thiếu hụt, hư hỏng, kém mất phẩm chất, lạc hậu mốt, lạc hậu kỹ thuật, tồn kho ứ đọng trong kiểm kê định kỳ và kiểm kê đột xuất. Cục Đăng kiểm Việt Nam phải xác định giá trị đã bị tổn thất, nguyên nhân, trách nhiệm và xử lý như sau:

1. Nếu nguyên nhân do chủ quan thì người gây ra tổn thất phải bồi thường. Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam quyết định mức bồi thường theo quy định của pháp luật và chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

2. Tài sản đã mua bảo hiểm nếu tổn thất thì xử lý theo hợp đồng bảo hiểm.

3. Giá trị tài sản tổn thất sau khi đã bù đắp bằng tiền bồi thường của cá nhân, tập thể, của tổ chức bảo hiểm nếu thiếu được bù đắp bằng quỹ dự phòng tài chính của đơn vị. Trường hợp quỹ dự phòng tài chính không đủ bù đắp thì phần thiếu được hạch toán vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

4. Những trường hợp đặc biệt do thiên tai hoặc do nguyên nhân bất khả kháng gây thiệt hại nghiêm trọng, Cục Đăng kiểm Việt Nam không thể tự khắc phục được thì Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam lập phương án xử lý tổn thất trình Bộ Giao thông vận tải và Bộ Tài chính. Sau khi có ý kiến của Bộ Tài chính, Bộ Giao thông vận tải quyết định việc xử lý tổn thất theo thẩm quyền.

5. Cục Đăng kiểm Việt Nam có trách nhiệm xử lý kịp thời các khoản tổn thất tài sản, trường hợp để các khoản tổn thất tài sản không được xử lý thì Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam sẽ phải chịu trách nhiệm trước Bộ Giao thông vận tải.

Điều 14. Đánh giá lại tài sản

1. Cục Đăng kiểm Việt Nam thực hiện đánh giá lại tài sản theo Quyết định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

2. Việc đánh giá lại tài sản phải theo đúng các quy định của Nhà nước. Các khoản chênh lệch tăng hoặc giảm giá trị do đánh giá lại tài sản thực hiện theo quy định hiện hành của nhà nước đối với từng trường hợp cụ thể.

III. CÁC DOANH THU, CHI PHÍ VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Điều 15. Doanh thu

Doanh thu của Cục Đăng kiểm Việt Nam bao gồm doanh thu từ hoạt động đăng kiểm, doanh thu từ hoạt động khác liên quan đến hoạt động đăng kiểm và doanh thu của hoạt động dịch vụ ngoài nhiệm vụ công ích đăng kiểm.

1. Doanh thu từ các hoạt động đăng kiểm là các khoản doanh thu theo quy định của Nhà nước, bao gồm:

a) Xét duyệt, thẩm định thiết kế phương tiện, thiết bị trong lĩnh vực giao thông vận tải trước khi đóng mới hoặc hoán cải;

b) Kiểm định, thử nghiệm an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với các phương tiện, thiết bị trong lĩnh vực giao thông vận tải;

c) Đánh giá hệ thống quản lý an toàn, hệ thống an ninh, kế hoạch an ninh tàu biển Việt Nam theo quy định của Bộ Luật quản lý an toàn (ISM Code) và Bộ Luật quản lý an ninh cho tàu và bến cảng (ISPS);

d) Đánh giá và cấp giấy chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng, bảo vệ môi trường theo yêu cầu của các tổ chức, doanh nghiệp theo quy định của pháp luật;

đ) Giám định trạng thái kỹ thuật phương tiện, thiết bị giao thông vận tải và phương tiện, thiết bị thăm dò, khai thác, vận chuyển dầu khí trên biển theo yêu cầu của cơ quan Nhà nước hoặc chủ phương tiện thiết bị;

e) Hợp tác với các tổ chức đăng kiểm nước ngoài trong việc ủy quyền kiểm tra lẫn nhau theo thỏa thuận.

g) Các hoạt động đăng kiểm khác theo quy định của Nhà nước.

2. Doanh thu từ các hoạt động khác liên quan đến hoạt động đăng kiểm:

a) Thu từ nghiệp vụ đào tạo đăng kiểm viên, phát hành Tạp chí Đăng kiểm, thu từ việc cấp tem, sổ theo mẫu thống nhất cho các đơn vị đăng kiểm trong toàn ngành;

b) Thu từ hoạt động thanh lý, nhượng bán tài sản; giá trị tài sản dôi thừa sau kiểm kê;

c) Thu từ hoạt động tài chính: thu lãi tiền gửi ngân hàng, lãi do chênh lệch tỷ giá ngoại tệ;

d) Thu hồi từ các khoản nợ đã xóa sổ kế toán;

đ) Thu tiền phạt vi phạm hợp đồng của đối tác;

e) Các khoản thu khác có liên quan đến hoạt động đăng kiểm.

3. Doanh thu từ hoạt động dịch vụ ngoài nhiệm vụ công ích như: đại lý bán bảo hiểm cho phương tiện xe cơ giới, tư vấn, dịch vụ khoa học kỹ thuật liên quan đến an toàn kỹ thuật của các phương tiện, thiết bị giao thông vận tải và các khoản thu khác theo quy định.

Điều 16. Chi phí

Chi phí của Cục Đăng kiểm Việt Nam bao gồm chi phí phục vụ cho hoạt động đăng kiểm, chi phí cho hoạt động khác và chi phí cho hoạt động dịch vụ ngoài nhiệm vụ công ích đăng kiểm.

1. Chi phí cho hoạt động đăng kiểm:

Chi phí hoạt động đăng kiểm là tất cả các chi phí phát sinh liên quan đến hoạt động cung ứng dịch vụ công ích đăng kiểm được phản ánh trong năm tài chính, bao gồm:

a) Chi phí nguyên vật liệu, nhiên liệu, động lực, bán thành phẩm, dịch vụ mua ngoài (tính theo mức tiêu hao thực tế và giá gốc thực tế), chi phí phân bổ công cụ, dụng cụ lao động, chi phí sửa chữa tài sản cố định, chi phí trích trước chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định;

b) Chi phí khấu hao tài sản cố định tính theo quy định tại Điều 9 của Thông tư này;

c) Chi phí tiền lương, tiền công, chi phí có tính chất lương phải trả cho người lao động do Cục trưởng quyết định trên cơ sở đơn giá tiền lương được Bộ Giao thông vận tải giao và thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

d) Kinh phí bảo hiểm xã hội, kinh phí công đoàn, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động mà Cục Đăng kiểm Việt Nam phải nộp theo quy định;

đ) Chi phí giao dịch, môi giới, tiếp khách, tiếp thị, xúc tiến thương mại, quảng cáo, hội họp tính theo chi phí thực tế phát sinh và quy định của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp;

e) Chi phí bằng tiền khác theo quy định gồm:

- Các khoản thuế tài nguyên, thuế đất, thuế môn bài;

- Tiền thuê đất;

- Trợ cấp thôi việc, mất việc cho người lao động;

- Đào tạo nâng cao năng lực quản lý, tay nghề của người lao động;

- Chi cho công tác y tế theo quy định;

- Chi nghiên cứu khoa học, nghiên cứu đổi mới công nghệ;

- Thưởng sáng kiến cải tiến, thưởng tăng năng suất lao động, thưởng tiết kiệm vật tư và chi phí. Mức thưởng do Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam quyết định căn cứ vào hiệu quả công việc trên mang lại nhưng không được cao hơn số tiết kiệm chi phí do công việc đó mang lại trong 01 năm.

- Chi phí cho lao động nữ;

- Chi phí cho công tác bảo vệ môi trường;

- Chi phí cho công tác Đảng, đoàn thể tại Cục Đăng kiểm Việt Nam (phần chi ngoài kinh phí của tổ chức Đảng, đoàn thể được chi từ nguồn quy định);

- Các khoản chi phí bằng tiền khác.

g) Giá trị tài sản tổn thất thực tế, nợ phải thu không có khả năng thu hồi theo quy định tại Điều 7 Thông tư này;

h) Giá trị các khoản dự phòng giảm giá hàng hóa tồn kho, dự phòng nợ phải thu khó đòi, trích lập theo quy định tại khoản 2 Điều 7 của Thông tư này, chênh lệch tỷ giá theo số dư khoản nợ vay dài hạn bằng ngoại tệ, chi phí trích trước bảo hành sản phẩm, các khoản dự phòng theo quy định của pháp luật đối với doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực đặc thù.

2. Chi cho các hoạt động khác:

a) Chi thuê giảng viên theo quy định và các chi phí liên quan đến công tác tổ chức đào tạo, các chi phí biên tập, nhuận bút, in ấn liên quan đến việc phát hành tạp chí, chi in ấn các mẫu biểu, tem, sổ để cấp phát cho các đơn vị đăng kiểm theo quy định;

b) Chi phí nhượng bán, thanh lý tài sản cố định gồm cả giá trị còn lại của tài sản cố định khi thanh lý, nhượng bán; tài sản thiếu hụt sau kiểm kê (sau khi đã trừ trách nhiệm của các tập thể, cá nhân có liên quan);

c) Chi phí hoạt động tài chính, bao gồm: tiền lãi phải trả do huy động vốn, chênh lệch tỷ giá, chi phí chiết khấu thanh toán và các khoản chi phí tài chính khác theo quy định;

d) Chi phí cho việc thu hồi các khoản nợ đã xóa sổ kế toán;

đ) Chi phí về tiền phạt do vi phạm hợp đồng;

e) Các chi phí khác theo quy định.

3. Chi phí theo quy định cho hoạt động dịch vụ ngoài nhiệm vụ công ích:

- Chi lương theo chế độ cho các cá nhân tham gia trực tiếp vào hoạt động dịch vụ;

- Chi nguyên nhiên vật liệu, vật tư, văn phòng phẩm, công cụ dụng cụ;

- Chi khấu hao TSCĐ theo quy định;

- Chi phương tiện đi lại, chi công tác phí theo chế độ;

- Chi thuê tài sản cố định (nếu có);

- Các chi phí phân bổ cho hoạt động dịch vụ ngoài nhiệm vụ công ích như: tiền thuê mặt bằng, địa điểm làm việc, chi phí khấu hao TSCĐ, các chi phí về điện, nước, điện thoại, fax, internet, sách báo, tạp chí, dịch vụ công cộng...

- Các khoản chi phí khác.

Điều 17. Quản lý chi phí

Cục Đăng kiểm Việt Nam phải quản lý chặt chẽ các khoản chi phí để giảm chi phí nhằm tăng lợi nhuận bằng các biện pháp quản lý sau đây:

1. Xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện các định mức kinh tế - kỹ thuật phù hợp với đặc điểm kinh tế - kỹ thuật, mô hình tổ chức quản lý, trình độ trang bị của Cục Đăng kiểm Việt Nam. Các định mức phải được phổ biến đến tận người thực hiện, công bố công khai cho toàn thể CBCNV trong Cục Đăng kiểm Việt Nam biết để thực hiện và kiểm tra, giám sát.

Trường hợp không thực hiện được các định mức, làm tăng chi phí phải phân tích rõ nguyên nhân, trách nhiệm để xử lý theo quy định của pháp luật. Nếu do nguyên nhân chủ quan phải bồi thường thiệt hại. Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam quyết định mức bồi thường theo quy định của pháp luật và chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

2. Phải định kỳ tổ chức phân tích chi phí nhằm phát hiện những khâu yếu, kém trong quản lý, những yếu tố làm tăng chi phí để có giải pháp khắc phục kịp thời.

Điều 18. Lợi nhuận thực hiện

Lợi nhuận thực hiện trong năm của Cục Đăng kiểm Việt Nam là chênh lệch giữa tổng doanh thu nêu tại Điều 15 và tổng chi phí nêu tại Điều 16 của Thông tư này. Cụ thể gồm:

- Chênh lệch giữa doanh thu từ hoạt động đăng kiểm với chi phí cho hoạt động đăng kiểm phát sinh trong kỳ;

- Chênh lệch giữa nguồn thu từ các hoạt động khác với các chi phí cho các hoạt động khác phát sinh trong kỳ;

- Chênh lệch giữa doanh thu từ hoạt động dịch vụ ngoài nhiệm vụ công ích đăng kiểm với chi phí cho hoạt động dịch vụ ngoài nhiệm vụ công ích phát sinh trong kỳ.

IV. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 19. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận thực hiện của Cục Đăng kiểm Việt Nam sau khi bù đắp lỗ năm trước theo quy định của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối như sau:

1. Trích 10% vào quỹ dự phòng tài chính; khi số dư quỹ bằng 25% vốn Nhà nước đầu tư tại Cục Đăng kiểm Việt Nam ghi trên Báo cáo tài chính của kỳ báo cáo thì không trích nữa;

2. Trích lập hai quỹ khen thưởng, phúc lợi thực hiện theo các tiêu chí đánh giá về kết quả thực hiện trong năm của đơn vị, cụ thể như sau:

a) Trích hai quỹ khen thưởng, phúc lợi tối đa bằng 03 tháng lương thực tế khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Hoàn thành vượt mức từ 3% trở lên so với kế hoạch doanh thu cung ứng sản phẩm dịch vụ công ích được Bộ Giao thông vận tải giao;

- Doanh thu và thu nhập khác tăng so với năm trước;

- Lợi nhuận trên vốn Nhà nước tăng cao hơn năm trước;

- Không có nợ phải trả quá hạn và khả năng thanh toán nợ đến hạn lớn hơn 1;

- Không vi phạm các quy định của pháp luật hiện hành;

- Số phải nộp ngân sách phát sinh trong năm bằng hoặc cao hơn năm trước.

b) Trích hai quỹ khen thưởng phúc lợi tối đa bằng 1,5 tháng lương thực tế khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Hoàn thành hoặc tăng nhưng dưới 3% so với kế hoạch doanh thu cung ứng sản phẩm dịch vụ công ích được Bộ Giao thông vận tải giao;

- Doanh thu và thu nhập khác bằng hoặc giảm nhưng không quá 3% so với năm trước;

- Lợi nhuận trên vốn Nhà nước bằng hoặc thấp hơn năm trước;

- Không có nợ phải trả quá hạn và khả năng thanh toán nợ đến hạn từ 0,5 đến 1;

- Có kết luận của cơ quan có thẩm quyền về vi phạm các quy định của pháp luật hiện hành nhưng chưa đến mức bị xử phạt hành chính;

- Số nộp ngân sách phát sinh trong năm thấp hơn năm trước.

c) Trích tối đa 01 tháng lương thực tế đối với các trường hợp còn lại.

3. Toàn bộ phần lợi nhuận còn lại sau khi trích lập các quỹ được trích vào Quỹ Đầu tư phát triển của Cục Đăng kiểm Việt Nam.

Điều 20. Mục đích sử dụng quỹ

1. Quỹ dự phòng tài chính được dùng để:

a) Bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh;

b) Bù đắp khoản lỗ của đơn vị theo quyết định của Cục trưởng hoặc Bộ Giao thông vận tải.

2. Quỹ đầu tư phát triển được dùng để đầu tư hình thành tài sản cố định của Cục Đăng kiểm Việt Nam, được quản lý sử dụng và quyết toán quỹ theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

3. Quỹ khen thưởng được dùng để:

a) Thưởng cuối năm hoặc thường kỳ trên cơ sở năng suất lao động và thành tích công tác của mỗi cán bộ, công nhân viên trong Cục Đăng kiểm Việt Nam;

b) Thưởng đột xuất cho những cá nhân, tập thể trong đơn vị;

c) Thưởng cho những cá nhân và đơn vị ngoài Cục Đăng kiểm Việt Nam có đóng góp nhiều cho hoạt động kinh doanh, công tác quản lý của đơn vị;

Mức thưởng theo quy định tại điểm a, b, c khoản này do Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam quyết định. Riêng điểm a cần có ý kiến của Công đoàn đơn vị trước khi quyết định.

4. Quỹ phúc lợi được dùng để:

a) Đầu tư xây dựng hoặc sửa chữa các công trình phúc lợi của Cục Đăng kiểm Việt Nam;

b) Chi cho các hoạt động phúc lợi công cộng của tập thể công nhân viên đơn vị, phúc lợi xã hội;

c) Góp một phần vốn để đầu tư xây dựng các công trình phúc lợi chung trong ngành hoặc với các đơn vị khác theo hợp đồng;

d) Ngoài ra có thể sử dụng một phần quỹ phúc lợi để trợ cấp khó khăn đột xuất cho những người lao động kể cả những trường hợp về hưu, về mất sức, lâm vào hoàn cảnh khó khăn, không nơi nương tựa hoặc làm công tác từ thiện xã hội.

Việc sử dụng quỹ phúc lợi do Cục trưởng hoặc Giám đốc đơn vị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của công đoàn đơn vị.

5. Việc sử dụng các quỹ nói trên phải thực hiện công khai theo quy chế chi tiêu, công khai tài chính, quy chế dân chủ ở cơ sở và quy định của Nhà nước.

V. KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH, CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN, THỐNG KÊ VÀ KIỂM TOÁN

Điều 21. Kế hoạch tài chính, chế độ kế toán

1. Kế hoạch tài chính:

a) Căn cứ vào tình hình thực hiện nhiệm vụ công ích đăng kiểm trong năm và kế hoạch triển khai nhiệm vụ của năm tiếp theo Cục Đăng kiểm Việt Nam có trách nhiệm xây dựng kế hoạch tài chính trong năm tiếp theo phù hợp với tình hình thực tế của đơn vị và có trách nhiệm gửi Bộ Giao thông vận tải, Bộ Tài chính trước ngày 15/11 hàng năm (Mẫu Kế hoạch tài chính của Cục Đăng kiểm Việt Nam theo Phụ lục số 01 của Thông tư này);

b) Trong vòng 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kế hoạch tài chính Bộ Giao thông vận tải có ý kiến gửi Bộ Tài chính tham gia. Trong vòng 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được công văn đề nghị của Bộ Giao thông vận tải, Bộ Tài chính có ý kiến tham gia bằng văn bản gửi Bộ Giao thông vận tải;

c) Sau khi có ý kiến của Bộ Tài chính, trong vòng 07 ngày làm việc, Bộ Giao thông vận tải sẽ giao kế hoạch tài chính cho Cục Đăng kiểm Việt Nam theo Phụ lục số 02 của Thông tư này. Kế hoạch tài chính được gửi đồng thời cho Bộ Tài chính theo dõi và giám sát;

d) Sau khi được giao kế hoạch tài chính, trong vòng 07 ngày làm việc, Cục Đăng kiểm Việt Nam tổ chức thực hiện giao kế hoạch tài chính hàng năm cho các đơn vị trực thuộc Cục.

Kế hoạch tài chính trên được gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện. Bộ Giao thông vận tải và Cục Đăng kiểm Việt Nam phải hoàn thành việc giao kế hoạch tài chính của năm tiếp theo trước ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Chế độ kế toán:

Cục Đăng kiểm Việt Nam được áp dụng chế độ kế toán của doanh nghiệp, chuẩn mực kế toán và các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành khác về kế toán.

Cục Đăng kiểm Việt Nam là một đơn vị hạch toán độc lập; Văn phòng Cục Đăng kiểm Việt Nam là cơ quan quản lý tập trung mọi nguồn vốn, quỹ của Cục Đăng kiểm Việt Nam. Các đơn vị trực thuộc Cục Đăng kiểm Việt Nam là các đơn vị hạch toán phụ thuộc.

Điều 22. Báo cáo tài chính

1. Cuối kỳ kế toán quý, năm, Cục Đăng kiểm Việt Nam phải lập, trình bày và gửi các báo cáo tài chính và báo cáo thống kê theo quy định của pháp luật. Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của các báo cáo này.

Báo cáo tài chính hàng năm của Cục Đăng kiểm Việt Nam phải được kiểm toán bởi một tổ chức kiểm toán độc lập hoạt động hợp pháp tại Việt Nam có chức năng kiểm toán.

2. Cục Đăng kiểm Việt Nam có trách nhiệm lập và gửi các báo cáo sau:

a) Lập các báo cáo:

- Báo cáo tài chính quý, năm (theo quy định tại Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính) và được bổ sung mẫu Biểu 2b-DN "Các khoản thanh toán với ngân sách" theo quy định tại Phụ lục số 03 của Thông tư này;

- Báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch tài chính theo Phụ lục số 04 của Thông tư này.

- Báo cáo công khai tình hình tài chính theo Phụ lục số 05 của Thông tư này.

- Báo cáo tình hình huy động vốn và sử dụng vốn huy động (nếu có) theo Phụ lục số 06 của Thông tư này.

- Báo cáo tình hình phân phối lợi nhuận sau thuế theo Phụ lục số 07 của Thông tư này.

- Báo cáo quyết toán tiền lương theo Phụ lục số 08 của Thông tư này.

b) Thời hạn và nơi gửi báo cáo:

Các báo cáo ở điểm a khoản 2 Điều này Cục Đăng kiểm Việt Nam phải gửi cho Bộ Giao thông vận tải, Bộ Tài chính, Cục thuế thành phố Hà Nội.

Thời hạn gửi các báo cáo trên được gửi mỗi năm một lần cùng thời điểm với Báo cáo quyết toán theo quy định. Thời gian gửi báo cáo quý thực hiện theo quy định hiện hành.

3. Cục Đăng kiểm Việt Nam phải tổ chức thực hiện công tác kế toán, thống kê theo quy định của pháp luật.

4. Cục Đăng kiểm Việt Nam chịu sự thanh tra, kiểm tra, giám sát của cơ quan tài chính có thẩm quyền đối với công tác tài chính của đơn vị theo quy định của pháp luật.

Điều 23. Kiểm tra kế toán, kiểm tra và thẩm định Báo cáo tài chính

1. Hàng tháng, quý, năm Cục Đăng kiểm Việt Nam và các đơn vị trực thuộc có trách nhiệm tự kiểm tra kế toán, báo cáo tài chính.

2. Cục Đăng kiểm Việt Nam có trách nhiệm tổ chức kiểm tra Báo cáo tài chính năm cho các đơn vị trực thuộc Cục.

3. Bộ Giao thông vận tải chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính:

a) Trực tiếp kiểm tra Báo cáo tài chính năm của Văn phòng Cục Đăng kiểm Việt Nam;

b) Trên cơ sở Báo cáo tài chính năm của Văn phòng Cục và các đơn vị trực thuộc Cục đã được kiểm toán và kiểm tra, Bộ Giao thông vận tải và Bộ Tài chính thẩm định Báo cáo tài chính năm của Cục Đăng kiểm Việt Nam theo các nội dung sau:

- Tình hình quản lý và sử dụng vốn, tài sản; kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong đó có việc thu phí, lệ phí và các khoản thu khác được giao quản lý; quan hệ với Ngân sách nhà nước và phân phối lợi nhuận theo quy định của pháp luật;

- Rà soát việc thực hiện các kiến nghị của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền qua công tác kiểm toán, thanh tra, thẩm định báo cáo tài chính.

Kết thúc việc thẩm định Báo cáo tài chính năm, Bộ Giao thông vận tải sẽ phối hợp với Bộ Tài chính lập biên bản thẩm định để làm căn cứ cho Bộ Giao thông vận tải thông báo thẩm định báo cáo tài chính năm.

4. Khi thực hiện thẩm định quyết toán năm, Bộ Giao thông vận tải, Bộ Tài chính có quyền:

a) Đề nghị Cục Đăng kiểm Việt Nam giải trình hoặc cung cấp thông tin, số liệu cần thiết cho việc thẩm định quyết toán; trường hợp cần thiết có thể thực hiện kiểm tra phục vụ công tác thẩm định;

b) Đề nghị Cục Đăng kiểm Việt Nam điều chỉnh lại số liệu quyết toán nếu có sai sót và điều chỉnh lại báo cáo quyết toán theo kết quả đã được thẩm định;

c) Đề nghị Cục Đăng kiểm Việt Nam yêu cầu các đơn vị trực thuộc thu hồi nộp ngân sách nhà nước các khoản chi sai chế độ và thanh toán và các khoản phải nộp khác theo chế độ quy định;

5. Thông báo thẩm định báo cáo tài chính năm:

Căn cứ báo cáo tài chính năm của Cục Đăng kiểm Việt Nam và biên bản thẩm định báo cáo tài chính năm, Bộ Giao thông vận tải ra thông báo thẩm định báo cáo tài chính năm gửi Bộ Tài chính để làm cơ sở giám sát, Cục Đăng kiểm Việt Nam để làm căn cứ thực hiện.

Điều 24. Công khai báo cáo tài chính

Căn cứ vào Báo cáo tài chính hàng năm đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, Cục Đăng kiểm Việt Nam và các đơn vị trực thuộc thực hiện thông báo công khai trước hội nghị công nhân viên chức của đơn vị.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 25. Tổ chức thực hiện

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 02 năm 2012, áp dụng cho năm tài chính 2010 cho đến hết năm 2013. Các quy định trước đây trái với quy định này tại Thông tư này đều bãi bỏ.

Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có vướng mắc gì cần báo cáo kịp thời cho Bộ Giao thông vận tải, Bộ Tài chính để có biện pháp giải quyết./.

KT. BỘ TRƯỞNG **BỘ TÀI CHÍNH** **THỨ TRƯỞNG**	**KT. BỘ TRƯỞNG** **BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI** **THỨ TRƯỞNG**
Trần Văn Hiếu	**Nguyễn Hồng Trường**

Phụ lục 01

(Kèm theo Thông tư liên tịch số 68/2011/TTLT-BGTVT-BTC ngày 30/12/2011 của Bộ Giao thông vận tải và Bộ Tài chính)

KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH CỦA CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM

Năm.....

Đơn vị tính: 1.000 đồng

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm báo cáo		Năm kế hoạch
			Kế hoạch	Ước thực hiện	
I	**Tổng doanh thu**				
1	Doanh thu từ hoạt động đăng kiểm				
2	Doanh thu từ hoạt động khác				
3	Doanh thu từ hoạt động dịch vụ ngoài nhiệm vụ công ích đăng kiểm				
II	**Tổng chi phí**				
1	Chi cho hoạt động đăng kiểm				
2	Chi cho hoạt động khác				
3	Chi cho hoạt động dịch vụ ngoài nhiệm vụ công ích đăng kiểm				
III	**Lợi nhuận trước thuế (I-II)**				
IV	**Nghĩa vụ với NSNN**				
1	Thuế:				
	- Thuế GTGT				
	- Thuế TNDN				
	- Thuế TNCN				
2	Các khoản phải nộp khác				
V	**Giá trị vốn NN đầu tư tại Cục Đăng kiểm Việt Nam**				
VI	**Hệ số nợ phải trả/ Vốn chủ sở hữu**				
VII	**Tổng mức vốn huy động (nếu có)**				
VIII	**Tổng số lao động**				
IX	**Tổng quỹ lương**				
X	**Thu nhập bq người lao động/năm**				

Hà Nội, ngày... tháng.... năm.....

Người lập biểu **Kế toán trưởng** **Thủ trưởng đơn vị**

Phụ lục 02

(Kèm theo Thông tư liên tịch số 68/2011/TTLT-BGTVT-BTC ngày 30/12/2011 của Bộ Giao thông vận tải và Bộ Tài chính)

GIAO KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH NĂM .....
CHO CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM

Đơn vị tính: 1.000 đồng

STT	Các chỉ tiêu	Số tiền
I	**Tổng doanh thu**	
1	Doanh thu từ hoạt động đăng kiểm	
2	Doanh thu từ hoạt động khác	
3	Doanh thu từ hoạt động dịch vụ ngoài nhiệm vụ công ích đăng kiểm	
II	**Tổng chi phí**	
1	Chi cho hoạt động đăng kiểm	
2	Chi cho hoạt động khác	
3	Chi cho hoạt động dịch vụ ngoài nhiệm vụ công ích đăng kiểm	
III	**Lợi nhuận trước thuế (I-II)**	
IV	**Nghĩa vụ với NSNN**	
1	Nộp thuế GTGT	
2	Nộp thuế TNDN	
3	Nộp thuế TNCN	
4	Nộp lệ phí cấp GCN	

Phụ lục 03

(Kèm theo Thông tư liên tịch số 68/2011/TTLT-BGTVT-BTC ngày 30 /12/2011 của Bộ Giao thông vận tải và Bộ Tài chính)

Mẫu số 2B-DN

Bộ Giao thông vận tải
Cục Đăng kiểm Việt Nam

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM ……

II. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHĨA VỤ VỚI NGÂN SÁCH

Đơn vị tính: 1.000 đồng.

Số TT	CHỈ TIÊU	Mã số	Số còn phải nộp năm trước chuyển qua	Số phát sinh phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số còn phải nộp chuyển qua năm sau
A	B	C	1	2	3	4=(1+2-3)
I	**Thuế**	**10**				
1	Thuế GTGT	11				
2	Thuế Thu nhập doanh nghiệp	15				
3	Thuế Tài nguyên	16				
4	Thuế Nhà đất	17				
5	Tiền thuê đất	18				
6	Các khoản thuế khác	19				
	Thuế môn bài					
	Thuế thu nhập cá nhân					
	Các loại thuế khác					
II	**Các khoản phải nộp khác**	**30**				
1	Các khoản phụ thu	31				
2	Các khoản phí, lệ phí	32				
3	Các khoản khác	33				
	Các khoản nộp phạt					
	Nộp Khác					
	TỔNG CỘNG (40=10+30)	**40**				

Hà Nội, ngày... tháng..... năm.....

Người lập biểu **Kế toán trưởng** **Thủ trưởng đơn vị**

Phụ lục 04

(Kèm theo Thông tư liên tịch số 68/2011/TTLT-BGTVT-BTC ngày 30/12/2011 của Bộ Giao thông vận tải và Bộ Tài chính)

BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH CỦA CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM NĂM .....

Đơn vị tính: 1.000 đồng

STT	Các chỉ tiêu	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ (%)
I	**Tổng doanh thu**			
1	Doanh thu từ hoạt động đăng kiểm			
2	Doanh thu từ hoạt động khác			
3	Doanh thu từ hoạt động dịch vụ ngoài nhiệm vụ công ích đăng kiểm			
II	**Tổng chi phí**			
1	Chi cho hoạt động đăng kiểm			
2	Chi cho hoạt động khác			
3	Chi cho hoạt động dịch vụ ngoài nhiệm vụ công ích đăng kiểm			
III	**Lợi nhuận trước thuế (I-II)**			
IV	**Nghĩa vụ với NSNN**			
1	Nộp thuế GTGT			
2	Nộp thuế TNDN			
3	Nộp thuế TNCN			
4	Nộp lệ phí cấp GCN			

Phụ lục 05

(Kèm theo Thông tư liên tịch số 68/2011/TTLT-BGTVT-BTC ngày 30/12/2011 của Bộ Giao thông vận tải và Bộ Tài chính)

BÁO CÁO MỘT SỐ CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH NĂM .....

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Mã số	Số đầu năm	Số cuối kỳ
I. Tài sản ngắn hạn	100-BCĐKT		
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	110-BCĐKT		
2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120-BCĐKT		
3. Các khoản phải thu	130-BCĐKT		
Trong đó: Nợ phải thu khó đòi			
4. Hàng tồn kho	140-BCĐKT		
5. Tài sản ngắn hạn khác	150-BCĐKT		
II. Tài sản dài hạn	200-BCĐKT		
1. Các khoản phải thu dài hạn	210-BCĐKT		
2. Tài sản cố định	220-BCĐKT		
- Tài sản cố định hữu hình	221-BCĐKT		
- Tài sản cố định thuê tài chính	224-BCĐKT		
- Tài sản cố định vô hình	227-BCĐKT		
- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230-BCĐKT		
3. Bất động sản đầu tư	240-BCĐKT		
4. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250-BCĐKT		
5. Tài sản dài hạn khác	260-BCĐKT		
III. Nợ phải trả	300-BCĐKT		
1. Nợ ngắn hạn	310-BCĐKT		
Trong đó: Nợ quá hạn			
2. Nợ dài hạn	320-BCĐKT		
IV. Nguồn vốn chủ sở hữu	400-BCĐKT		
1. Vốn của chủ sở hữu	410-BCĐKT		
Trong đó: vốn đầu tư của chủ sở hữu	411-BCĐKT		
2. Nguồn kinh phí và quỹ khác	420-BCĐKT		
V. Kết quả kinh doanh			
1. Tổng doanh thu			

Chỉ tiêu	Mã số	Số đầu năm	Số cuối kỳ
- Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10-BCKQKD		
- Doanh thu hoạt động tài chính	21-BCKQKD		
- Thu nhập khác	31-BCKQKD		
2. Tổng chi phí			
3. Tổng lợi nhuận trước thuế	50-BCKQKD		
4. Lợi nhuận sau thuế thu nhập DN	60-BCKQKD		
VI. Các chỉ tiêu khác			
1. Tổng số phát sinh phải nộp NS			
Trong đó: các loại thuế			
2. Lợi nhuận trước thuế/Vốn chủ sở hữu (%)			
3. Tổng nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu (%)			
4. Tổng quỹ lương			
5. Số lao động b/q (người)			
6. Tiền lương bình quân người/ năm			
7. Thu nhập bình quân người/năm			

Phụ lục 06

(Kèm theo Thông tư liên tịch số 68/2011/TTLT-BGTVT-BTC ngày 30/12/2011 của Bộ Giao thông vận tải và Bộ Tài chính)

BÁO CÁO TÌNH HÌNH HUY ĐỘNG VỐN (NẾU CÓ) VÀ SỬ DỤNG VỐN HUY ĐỘNG NĂM … CỦA CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM

I. Tình hình vay, huy động vốn

Đơn vị: 1.000 đồng

	Nội dung	Tên tổ chức cho vay	Tên các cá nhân cho vay	Số tiền vay, huy động	Lãi suất phải trả	Ghi chú
1	Vay dài hạn					
	.....					
2	Vay ngắn hạn					
	.....					
3	Huy động khác					
	.....					

II. Tình hình sử dụng vốn vay, huy động

	Nội dung sử dụng	Số tiền	Ghi chú
1	**Chi đầu tư XDCB**		
	- Dự án.....		
2	**Chi hoạt động SXKD**		
3	**Chi mục đích khác**		

III. Đánh giá hiệu quả sử dụng vốn huy động, khả năng thanh toán các khoản vay và huy động vốn:

- Đánh giá việc sử dụng vốn vay, vốn huy động có đúng mục đích, có hiệu quả không? (Có số liệu để chứng minh).

- Đánh giá khả năng thanh toán của công ty đối với các khoản vốn vay, vốn huy động đến hạn trả, lý do, kiến nghị.

Hà Nội, ngày... tháng.... năm.....

Người lập biểu **Kế toán trưởng** **Thủ trưởng đơn vị**

Phụ lục 07

(Kèm theo Thông tư liên tịch số 68/2011/TTLT-BGTVT-BTC ngày 30/12/2011 của Bộ Giao thông vận tải và Bộ Tài chính)

BÁO CÁO PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN NĂM ……
CỦA CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM

Đơn vị tính: 1.000 đồng

STT	Chỉ tiêu	Tổng số	
		Năm trước	Năm nay
I	**Các chỉ tiêu**		
1	Tổng lợi nhuận trước thuế TNDN		
2	Vốn chủ sở hữu bình quân (gồm vốn đầu tư của chủ sở hữu mã số 411 + Quỹ đầu tư phát triển mã số 417 + Nguồn vốn đầu tư XDCB mã số 421)		
3	Vốn huy động bình quân (Nếu có)		
4	Chỉ tiêu tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu		
	+ Năm trước (%)		
	+ Năm nay (%)		
5	Số phải nộp ngân sách phát sinh		
	+ Năm trước		
	+ Năm nay		
6	Quỹ lương thực hiện năm …		
7	Thu nhập bình quân người/tháng:		
8	Tổng số lao động bình quân năm …		
II	**Phân phối lợi nhuận**		
1	Thuế TNDN		
2	Trích quỹ Dự phòng tài chính		
3	Quỹ khen thưởng, phúc lợi		
4	Quỹ đầu tư phát triển		

Hà Nội, ngày..... tháng..... năm

Người lập biểu **Kế toán trưởng** **Thủ trưởng đơn vị**

Phụ lục 08

(Kèm theo Thông tư liên tịch số 68/2011/TTLT-BGTVT-BTC ngày 30/12/2011 của Bộ Giao thông vận tải và Bộ Tài chính)

BÁO CÁO QUYẾT TOÁN TIỀN LƯƠNG
NĂM….....
CỦA CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM

Chỉ tiêu	Năm trước	Năm nay	
		Kế hoạch	Thực hiện
1. Tiêu chí để trích lương/doanh thu			
2. Đơn giá tiền lương/doanh thu			
3. Tổng quỹ lương được duyệt			
4. Tổng quỹ lương thực hiện			
5. Tổng số lao động			
6. Thu nhập bình quân (đồng/tháng)			

Hà Nội, ngày.... tháng.... năm.....

Người lập biểu **Kế toán trưởng** **Thủ trưởng đơn vị**